

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NINH KIỀU  
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/KDTM-ST

Ngày: 24/11/2020

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ C**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Văn Hứng**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Nguyễn Trường Hoa**

2/ Bà **Đỗ Thị Lê Hằng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố C.

Trong các ngày 23, 24 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2020/TLST-KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 689/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.**

Trụ sở: Số 89 LH, phường H, quận Đ, Thành phố H.

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông **Bùi Phúc Vi** – Cán bộ XLN KHDN MN (*Theo văn bản ủy quyền ngày 22/6/2020*).

Địa chỉ: Tầng 5, số 49, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố C.

**- Bị đơn: Công ty TNHH MTV TMDV L.**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Trí N** - Giám đốc.

Trụ sở: Căn 295/9, Lợi Nguyên B, đường N, phường K, quận N, thành phố C.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Trí N****

Địa chỉ: ấp Mỹ Long, xã K, huyện P, thành phố C.

*(Tất cả các đương sự có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện nguyên đơn ông Bùi Phúc V trình bày:*

Công ty TNHH MTV TMDV L (gọi tắt là Công ty L) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh thành phố C (gọi tắt là VPBank), theo Hợp đồng cho vay từng lần số: SME/CTO/17/0078/HDTD-BIL ngày 16/6/2017, với tổng số tiền cho vay tối đa là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh phục vụ hoạt động lắp đặt bảng hiệu pano, hộp đèn, đèn neon signs, bảng đèn led, nhà chờ, chữ nổi các loại, các công trình quảng cáo, thanh toán lương nhân viên. Phương thức cho vay từng lần, lãi suất cho vay trong hạn là 21,8%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, phía Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty L vay theo 04 khế ước nhận nợ gồm:

+ Lần: 01/Số: SME/CTO/17/0078/HDTD-BIL-01 ngày 16/6/2017 với số tiền nhận nợ 99.000.000 đồng.

+ Lần: 02/Số: SME/CTO/17/0078/HDTD-BIL-02 ngày 19/6/2017 với số tiền nhận nợ 99.000.000 đồng.

+ Lần: 03/Số: SME/CTO/17/0078/HDTD-BIL-03 ngày 20/6/2017 với số tiền nhận nợ 99.000.000 đồng.

+ Lần: 04/Số: SME/CTO/17/0078/HDTD-BIL-01 ngày 21/6/2017 với số tiền nhận nợ 99.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông Nguyễn Trí N đã ký Hợp đồng bảo lãnh số SME/CTO/17/0078/HDBL ngày 16/6/2017 với nội dung bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình và không hủy ngang trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của cho Công ty L đối với VPBank.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty L đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 16/4/2019 và chịu mức lãi suất quá hạn.

Vì vậy, VPBank khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty L phải trả ngay một lần cho VPBank tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 04/5/2020 là **216.246.576 đồng** (Hai trăm mười sáu triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 165.000.000 đồng và nợ lãi là

51.246.576 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 05/5/2020 Công ty L vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VPBank.

Trường hợp Công ty L không thanh toán theo yêu cầu trên, ông Nguyễn Trí N liên đới thanh toán toàn bộ các khoản vay, khoản thẻ nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

*- Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV TMDV L – Ông Nguyễn Trí N trình bày:* Công ty L có nợ VPBank 01 hợp đồng tín dụng, hiện tại phía Công ty chưa tiếp tục trả được nên Ngân hàng đã khởi kiện. Do thời gian qua ông bị bệnh và đang trong quá trình hồi phục nên đề nghị phía Ngân hàng cho ông gia hạn thêm thời gian sẽ trả hết. Đồng thời, đề nghị phía nguyên đơn xem xét giảm số lãi trong hạn và quá hạn, ông sẽ thanh toán tiền gốc cho VPBank.

Tại phiên tòa:

*- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ông Bùi Phúc V trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn Công ty L phải trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP V tổng số nợ tạm tính đến ngày 23/11/2020 là 263.782.621 đồng (Trong đó nợ gốc là 165.000.000 đồng, lãi trong hạn 2.707.021 đồng, lãi quá hạn 88.225.157 đồng và phạt chậm trả lãi là 7.850.443 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 24/11/2020 Công ty L vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VPBank.

Trường hợp Công ty L không thanh toán theo yêu cầu trên, ông Nguyễn Trí N liên đới thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

*- Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV TMDV L – Ông Nguyễn Trí N trình bày:* Thống nhất với trình bày của phía nguyên đơn về quá trình giao kết hợp đồng tín dụng, các khoản nợ gốc và lãi chưa thanh toán đến ngày 23/11/2020. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại các phần lãi đã thỏa thuận có đúng quy định của pháp luật hay không? Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện giảm lãi, gia hạn thời gian trả nợ để ông bán tài sản của gia đình trả hết nợ cho Ngân hàng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp*: Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH MTV TMDV L có ký hợp đồng tín dụng cho vay từng lần, với tổng số tiền là 396.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Quá trình thực hiện giao dịch, Công ty L không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên Ngân hàng có đơn khởi kiện, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Nội dung vụ án*:

[2.1] Đối với hợp đồng tín dụng.

Căn cứ Hợp đồng cho vay từng lần số: SME/CTO/17/0078/HDTD-BIL ngày 16/6/2017 đã thể hiện cụ thể nội dung giữa Ngân hàng TMCP V với Công ty L có xác lập giao dịch về tín dụng với tổng số tiền cho vay tối đa là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích sử dụng vốn vay nhằm bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất cho vay trong hạn là 21,8%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, phía Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty L vay theo 04 khế ước nhận nợ gồm:

+ Làn: 01/Số: SME/CTO/17/0078/HDTD-BIL-01 ngày 16/6/2017 với số tiền nhận nợ 99.000.000 đồng.

+ Làn: 02/Số: SME/CTO/17/0078/HDTD-BIL-02 ngày 19/6/2017 với số tiền nhận nợ 99.000.000 đồng.

+ Làn: 03/Số: SME/CTO/17/0078/HDTD-BIL-03 ngày 20/6/2017 với số tiền nhận nợ 99.000.000 đồng.

+ Làn: 04/Số: SME/CTO/17/0078/HDTD-BIL-01 ngày 21/6/2017 với số tiền nhận nợ 99.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty L đã vay của VPBank là 396.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã thanh toán được khoảng 21 kỳ, với tổng số tiền gốc đã thanh toán là 231.000.000 đồng. Đến ngày 16/4/2019 phía bị đơn đã không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay đã quá hạn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả 165.000.000 đồng nợ gốc (*Mỗi Khế ước còn nợ 41.250.000 đồng*) và nợ lãi tạm tính đến ngày 23/11/2020 gồm: lãi trong hạn 2.707.021 đồng và lãi quá hạn 88.225.157 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với theo quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Tuy nhiên, đối với phần lãi phạt 7.850.443 đồng, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định đây là phạt chậm trả lãi quá hạn. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “*Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn*”. Như vậy, theo quy định thì Ngân hàng chỉ được tính lãi phạt chậm trả lãi trong hạn. Do đó, yêu cầu này của Ngân hàng là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

**[2.1] Đối với hợp đồng bảo lãnh.**

Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty L với VPBank, ông Nguyễn Trí N đã ký Hợp đồng bảo lãnh số SME/CTO/17/0078/HDBL ngày 16/6/2017 với nội dung bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình và không hủy ngang trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của cho Công ty L đối với VPBank. Xét thỏa thuận bảo lãnh của ông Nguyễn Trí N đối với Công ty L bằng toàn bộ tài sản của mình là phù hợp với theo quy định tại khoản 1 Điều 335, khoản 1 Điều 339, khoản 1 Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu buộc ông Nguyễn Trí N liên đới thanh toán toàn bộ các khoản vay của Công ty L là có căn cứ chấp nhận.

**[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:** Nguyên đơn phải chịu án phí trên phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 335, khoản 1 Điều 339, khoản 1 Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015

Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

**1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.**

Buộc Công ty TNHH MTV TMDV L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ tín dụng tạm tính đến ngày 23/11/2020 là **255.932.178 đồng** (Trong đó, nợ gốc là 165.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.707.021 đồng và 88.225.157 đồng lãi quá hạn) và tiếp tục chịu lãi suất quá hạn phát sinh kể từ ngày 24/11/2020 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định của Hợp đồng cho vay từng lần số: SME/CTO/17/0078/HDTD-BIL ngày 16/6/2017.

Trường hợp Công ty TNHH MTV TMDV L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ vay trên thì ông Nguyễn Trí N có trách nhiệm liên đới thanh toán bằng toàn bộ tài sản của mình theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/CTO/17/0078/HDBL ngày 16/6/2017.

**2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty TNHH MTV TMDV L phải thanh toán lãi phạt chậm trả đối với lãi quá hạn là 7.850.443 đồng.**

**3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:** Bị đơn Công ty TNHH MTV TMDV L phải nộp 12.796.000 đồng (Mười hai triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V phải chịu 3.000.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí 5.406.200 đồng theo biên lai thu số 002855 ngày 27/7/2020, được nhận lại số tiền 2.406.200 đồng (Hai triệu, bốn trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố C.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố C giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:  
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Văn Hứng**